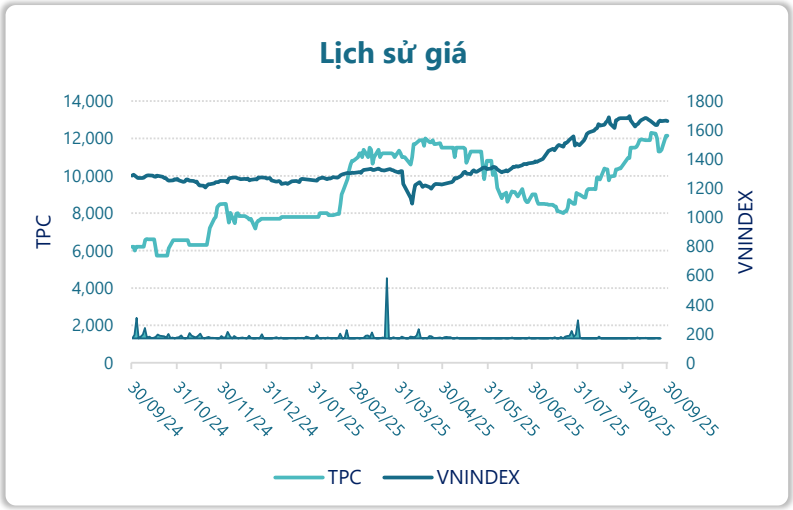
FireAnt

CTCP Nhựa Tân Đại Hưng (HSX: TPC)



Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**12,150**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	12,300
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	5,730
SL cổ phiếu LH	22,516,965
KLGD BQ 20 phiên (CP)	26,385
% sở hữu nước ngoài	1.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	274
P/E	16.7
EPS	725

DT thuần

Q3/25

126

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 6.00| 5.2%

YoY: ▲ 12.0| 10.7%

LN sau thuế

Q3/25

5.17

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 3.12| 152%

YoY: ▲ 5.44| 2013%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

5.3%

+/- YoY: ▲ 4.5%

DT thuần

9T 2025

357

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 39.0| 12.2%

LN sau thuế

9T 2025

11.2

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 4.40| 65.2%

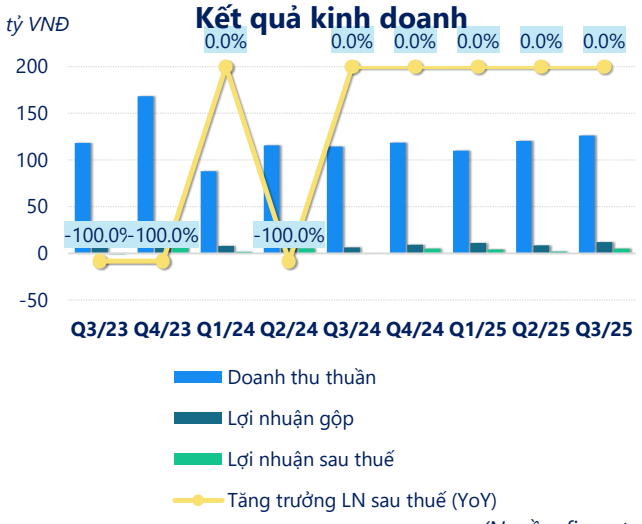
ROE

Q3/25

5.4%

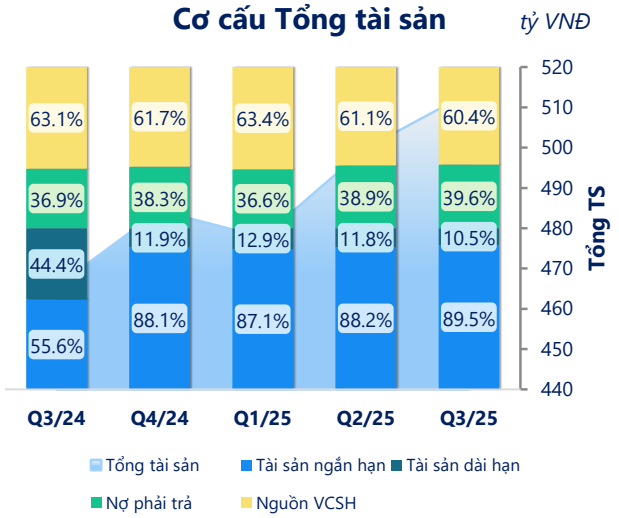
+/- YoY: ▼ 0.2%

Kết quả kinh doanh



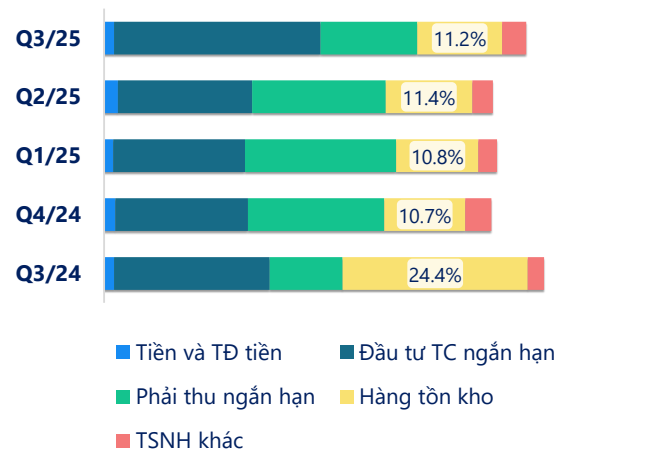
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



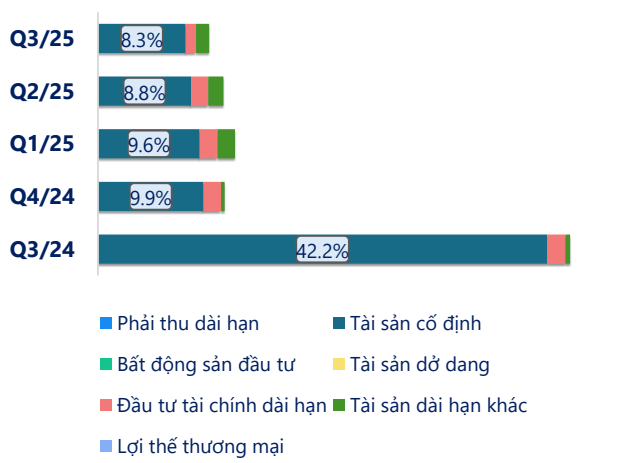
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



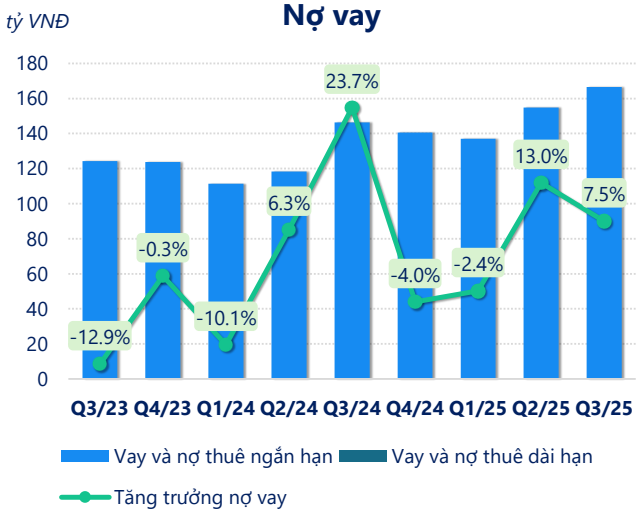
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



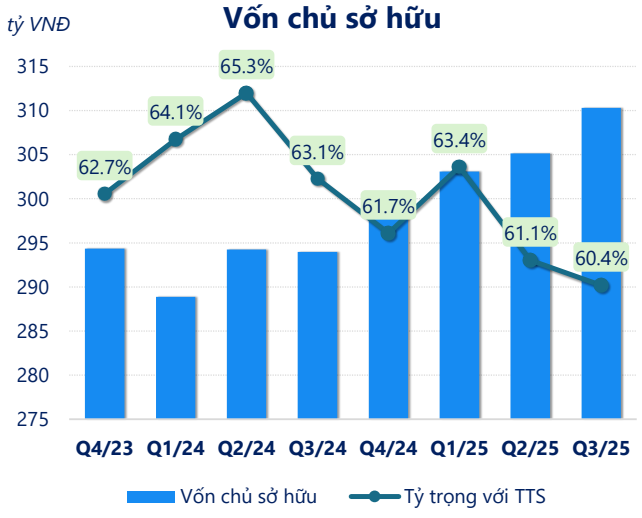
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



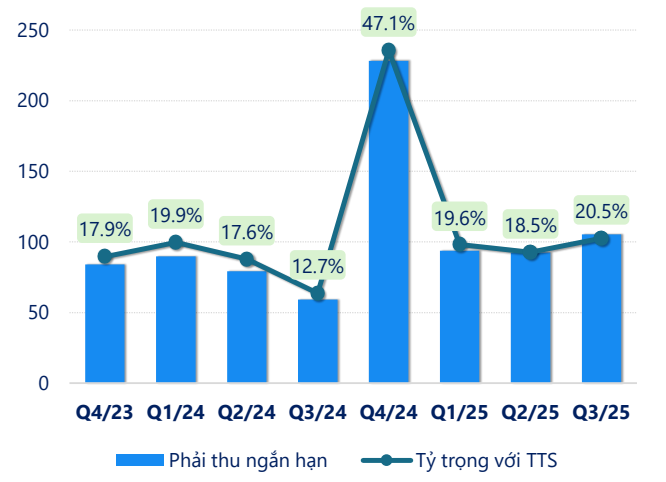
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



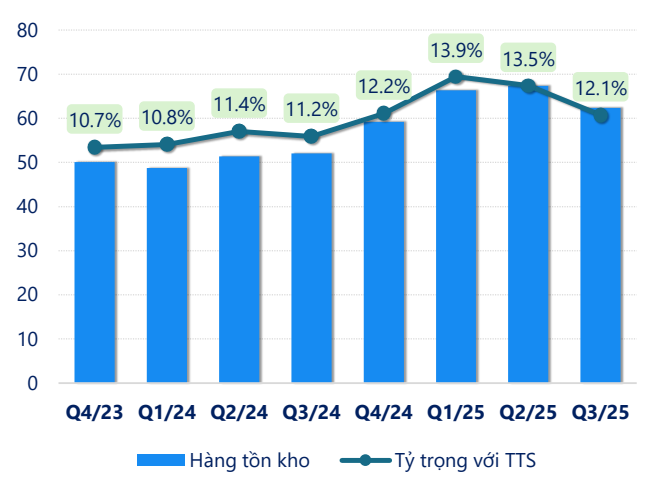
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



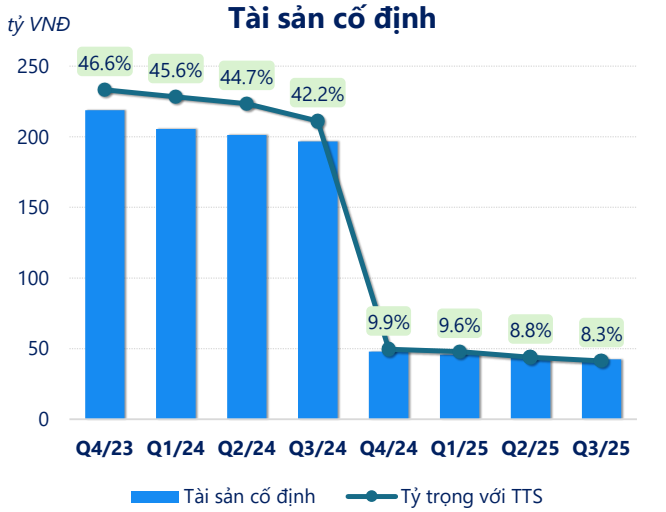
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



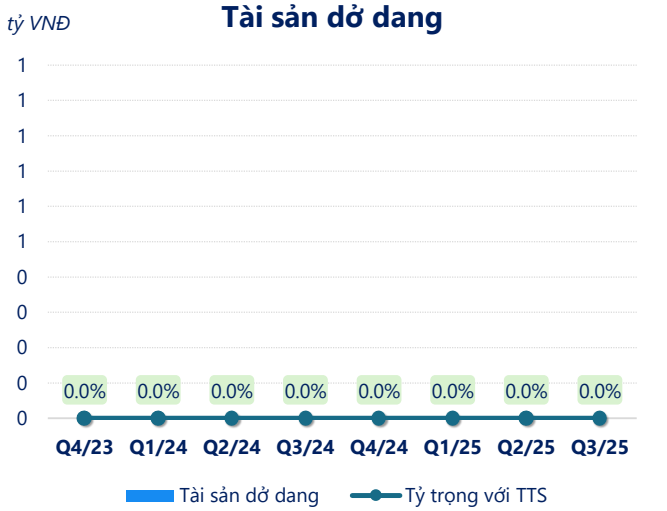
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



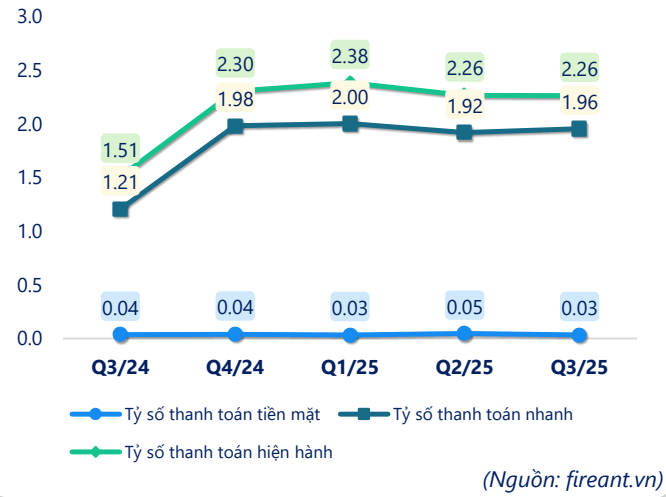
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



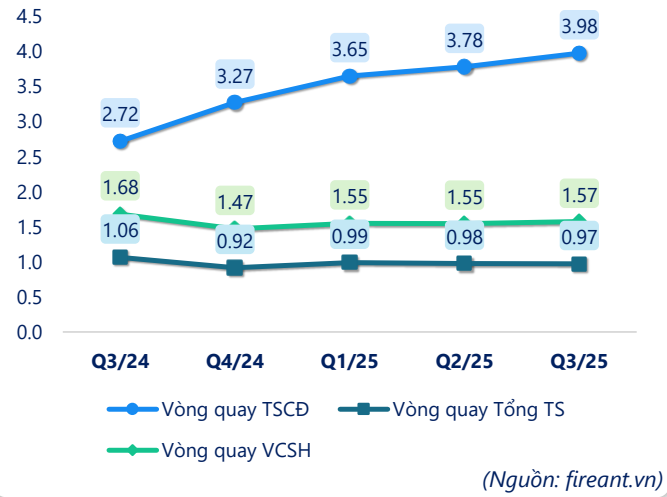
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	**466**	**484**	**478**	**500**	**514**
Tài sản ngắn hạn	**259**	**427**	**416**	**441**	**460**
Tiền và tương đương tiền	6.17	7.14	5.73	9.07	6.69
Đầu tư tài chính ngắn hạn	127	118	238	263	275
Phải thu ngắn hạn	59.3	228	93.7	92.6	105
Hàng tồn kho	52.0	59.2	66.4	67.4	62.4
Tài sản ngắn hạn khác	14.8	13.8	12.6	8.74	10.4
Tài sản dài hạn	**207**	**57.7**	**61.6**	**59.0**	**53.7**
Phải thu dài hạn	0	0.06	0	0	0
Tài sản cố định	197	47.9	45.7	43.8	42.4
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	8.00	8.00	8.00	8.00	5.00
Tài sản dài hạn khác	2.02	1.72	7.88	7.22	6.30
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**172**	**185**	**175**	**195**	**203**
Nợ ngắn hạn	**172**	**185**	**175**	**195**	**203**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	146	141	137	155	166
Phải trả người bán ngắn hạn	10.8	27.9	26.7	26.7	20.7
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**294**	**299**	**303**	**305**	**310**
Vốn chủ sở hữu	**294**	**299**	**303**	**305**	**310**
Vốn điều lệ	244	244	244	244	225
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)